

Số: 1229/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 10 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về quản lý phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè hoạt động trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trong tình hình mới”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1127/TTr-SGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Ban An toàn giao thông tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo QN, Đài PTTH QN;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về quản lý phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè hoạt động trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác phối hợp quản lý phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người hoặc bè hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sở hữu, sử dụng phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người hoặc bè trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý hoạt động phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người hoặc bè trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. Phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người là phương tiện thủy nội địa không có động cơ, di chuyển bằng sức người hoặc sức gió.

2. Bè là phương tiện được kết ghép lại bằng tre, nứa, gỗ hoặc các vật nổi khác để chuyển đi hoặc dùng làm phương tiện vận chuyển tạm thời trên đường thủy nội địa.

3. Điều kiện an toàn là: Các điều kiện tối thiểu của phương tiện để đảm bảo an toàn khi phương tiện hoạt động.

4. Mạn khô là: Chiều cao của phần thân phương tiện từ mép trên vạch dấu môn nước an toàn đến mép boong.

5. Sức chở của phương tiện là: Trọng tải toàn phần hoặc sức chở người của phương tiện ứng với vạch dấu môn nước an toàn.

6. Vạch dấu mớn nước an toàn là: Vạch đánh dấu trên phương tiện để giới hạn phần thân phương tiện được phép chìm trong nước khi hoạt động.

7. Trọng tải toàn phần của phương tiện là: Khối lượng tính bằng tấn của hàng hoá, hành khách và hành lý.

8. Dụng cụ cứu sinh là: Các vật dụng nổi dùng để cứu người.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Cách xác định các kích thước cơ bản; quy định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện

1. Cách xác định kích thước cơ bản của phương tiện:

a) Chiều dài lớn nhất (ký hiệu L_{max}) tính bằng mét, đo theo chiều dọc trên mạn ở mặt phẳng thẳng đứng dọc tâm từ mút lái đến mút mũi phương tiện.

b) Chiều rộng lớn nhất (ký hiệu B_{max}) tính bằng mét, đo theo chiều ngang trên mạn ở vị trí chiều dài rộng nhất.

c) Chiều chìm (ký hiệu d), tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mép trên của vạch mớn nước an toàn ở vị trí giữa chiều dài L_{max} .

d) Chiều cao mạn (ký hiệu D), tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mép trên của mạn ở vị trí giữa chiều dài L_{max} .

2. Quy định sức chở của phương tiện thủy nội địa thô sơ hoặc bè:

a) Phương tiện thủy nội địa thô sơ chở hàng có sức chở dưới 1 tấn: Trọng tải toàn phần là dưới 01 tấn (kể cả người điều khiển phương tiện) khi hàng hóa được xếp trực tiếp và cân bằng trên phương tiện tương ứng với mạn khô của phương tiện bằng 100 mm.

b) Phương tiện thủy nội địa thô sơ chở dưới 05 người: Số người được phép chở là dưới 05 người (không kể người điều khiển phương tiện) được xếp đủ chỗ ngồi và cân bằng trên phương tiện tương ứng với mạn khô của phương tiện bằng 200 mm.

c) Đối với bè: Tổng sức chở của bè không quá 1 tấn bao gồm hàng hóa và người điều khiển, bè phải nổi cao hơn mặt nước nửa bè và đảm bảo chắc chắn trong quá trình vận chuyển.

3. Sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện:

Dấu mớn nước an toàn của phương tiện được sơn bằng một vạch sơn có màu khác với màu sơn mạn phương tiện, vạch sơn có chiều dày 25 mm, chiều dài 250 mm nằm ngang trên hai bên mạn tại vị trí giữa của chiều dài L_{max} ; cách mép mạn 100 mm đối với phương tiện chở hàng; cách mép mạn 200 mm đối với phương tiện chở người.

Điều 4. Điều kiện hoạt động của phương tiện

1. Thân phương tiện phải chắc chắn, không bị rò rỉ nước vào bên trong; phương tiện phải thấp một đèn có ánh sáng trắng ở nơi dễ nhìn nếu hoạt động vào ban đêm.

2. Phương tiện chở người phải có đủ chỗ cho người ngồi chắc chắn, cân bằng trên phương tiện và có đủ áo phao hoặc dụng cụ cứu sinh cho số người được phép chở trên phương tiện.

Điều 5. Điều kiện người lái phương tiện thủy nội địa thô sơ

Người lái phương tiện phải đủ 15 tuổi trở lên, đủ sức khỏe, biết bơi, phải học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và được cấp giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp. Trường hợp sử dụng phương tiện vào mục đích kinh doanh thì độ tuổi của người lái phương tiện phải đủ 18 tuổi trở lên và các phải đáp ứng các quy định khác có liên quan.

Điều 6. Phạm vi hoạt động

Phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè chỉ được phép hoạt động trên các sông, hồ có mật độ giao thông thấp, lưu lượng dòng chảy nhỏ, điều kiện thời tiết bình thường.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 7. Trách nhiệm của chủ phương tiện

1. Đo kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đo và việc sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện.

2. Kê khai điều kiện an toàn của phương tiện phương tiện thủy nội địa thô sơ theo mẫu tại Phụ lục 1 của Quy chế này với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung Ủy ban nhân dân cấp xã) để quản lý.

3. Có trách nhiệm duy trì và đảm bảo các điều kiện an toàn của người và phương tiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Quy chế này khi phương tiện hoạt động.

4. Thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý phương tiện để xóa tên và thay đổi chủ sở hữu phương tiện trong các trường hợp sau:

- a) Phương tiện bị mất tích;
- b) Phương tiện bị phá hủy;
- c) Phương tiện không còn khả năng hoạt động do hư hỏng;
- d) Phương tiện được bán, tặng, cho.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức quản lý đối với phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động phải đảm bảo điều kiện an toàn theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hướng dẫn, yêu cầu chủ phương tiện kê khai phương tiện thủy nội địa thô sơ; tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định về Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Giao thông vận tải theo mẫu Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ hoạt động trên địa bàn quản lý, nhắc nhở chủ phương tiện phải bảo đảm điều kiện an toàn phương tiện khi hoạt động, kịp thời phát hiện xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc địa phương có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ, hướng dẫn chủ phương tiện xác định các kích thước cơ bản, xác định sức chở và sơn vạch dấu mớn nước an toàn đối với phương tiện thô sơ thuộc địa phương quản lý.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; chịu trách nhiệm về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tổ chức cứu hộ, cứu nạn, giải quyết hậu quả các vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi quản lý.

3. Tổ chức cho các chủ phương tiện thủy nội địa thô sơ ký cam kết sử dụng phương tiện đúng Quy chế; khi chở người phải có đủ chỗ ngồi ổn định, an toàn và có đủ dụng cụ cứu sinh tương ứng với số người trên phương tiện; không chở quá số người quy định; người đi trên phương tiện phải mặc áo phao hoặc mang dụng cụ nổi cứu sinh.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình quản lý phương tiện thủy nội địa thô sơ tại địa phương về Sở Giao thông vận tải và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy chế này (*trước ngày 25 tháng 12 hàng năm*).

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan

1. Sở Giao thông vận tải

a) Theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý phương tiện thủy nội địa thô sơ hoạt động trên các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; tổ chức việc học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa và cấp giấy chứng nhận cho người đã học theo quy định.

c) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

2. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các quy định có liên quan đối với hoạt động của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người hoặc bè hoạt động trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát đường thủy kết hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường tuần tra, kiểm soát trên các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đặc biệt là các phương tiện thủy nội địa không đảm bảo điều kiện an toàn, phương tiện chở quá tải trọng cho phép theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương IV **XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa thì bị xử lý theo quy định của pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kịp thời phản ánh gửi về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI ĐIỀU KIỆN AN TOÀN
CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA THỒ SƠ

Tên chủ phương tiện:

Địa chỉ chủ phương tiện:

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện ($L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$) =x.....x.....x.....) m

Khả năng khai thác: Sức chở:tấn (hàng)người.

Tình trạng thân vỏ:

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:
.....mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.....(chiếc); Loại

Phạm vi hoạt động:

Tôi xin cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

.....Ngàytháng.....năm.....

Chủ phương tiện

(ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

BÁO CÁO

**TỔNG HỢP QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA THÔ SƠ
HOẠT ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẢN LÝ**

TT	Chủ phương tiện	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Loại phương tiện			Vật liệu vỏ/năm đóng	Tình trạng phương tiện	Ngày kê khai hoạt động	Ngày xóa Sổ quản lý
				Dưới 1 tấn	Dưới 5 người	Bè				
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										

Cán bộ tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quảng Nam, ngày... tháng ... năm ...
ỦY BAN NHÂN DÂN
xã (phường, thị trấn):.....
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

BÁO CÁO

**TỔNG HỢP QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA THÔ SƠ
HOẠT ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẢN LÝ**

TT	Đơn vị (xã, phường, thị trấn)	Loại phương tiện (chiếc)			Tổng cộng (chiếc)	Mục đích hoạt động (kinh doanh, dân sinh)
		Dưới 1 tấn	Dưới 5 người	Bè		
1						
2						

Cán bộ tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng ... năm ...
**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN,
THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**
(Ký tên, đóng dấu)